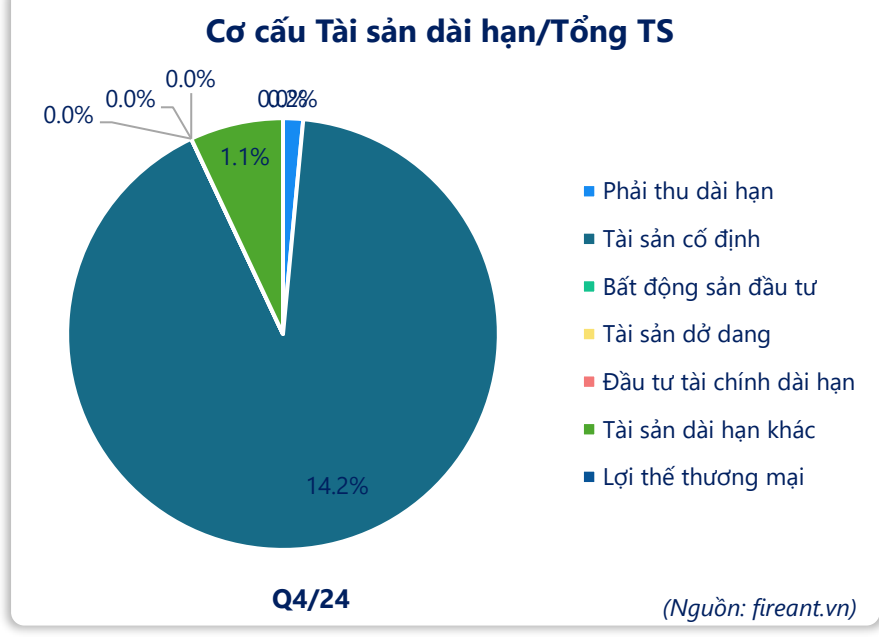
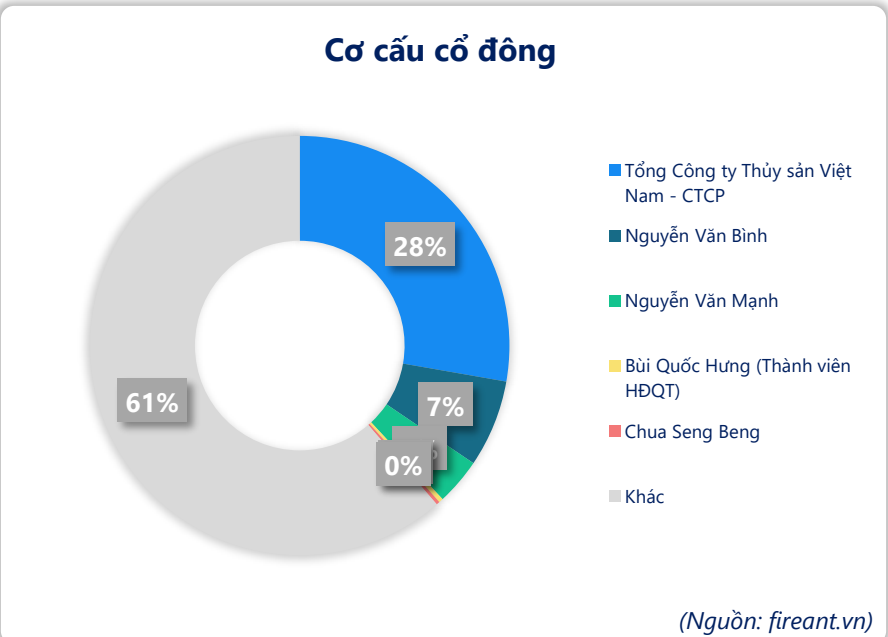
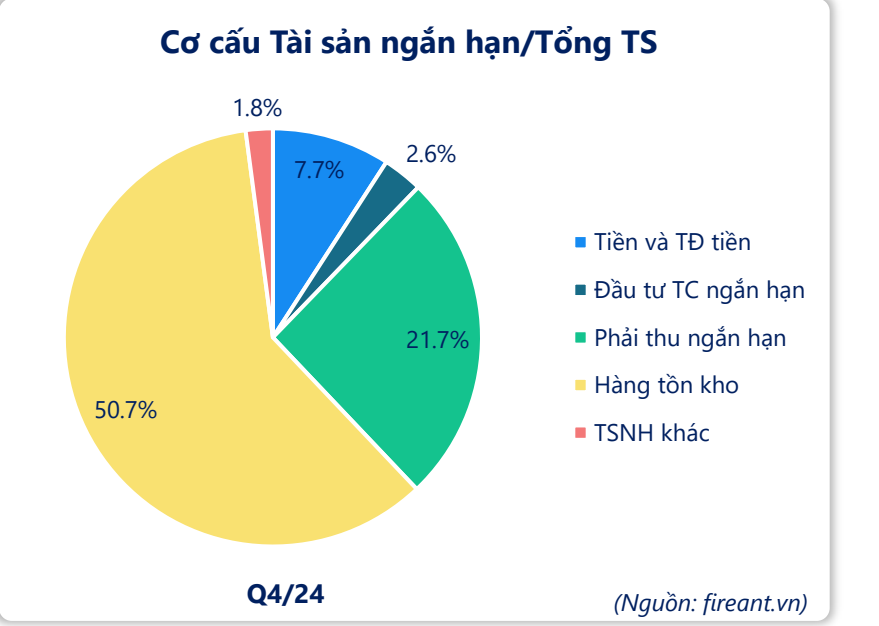
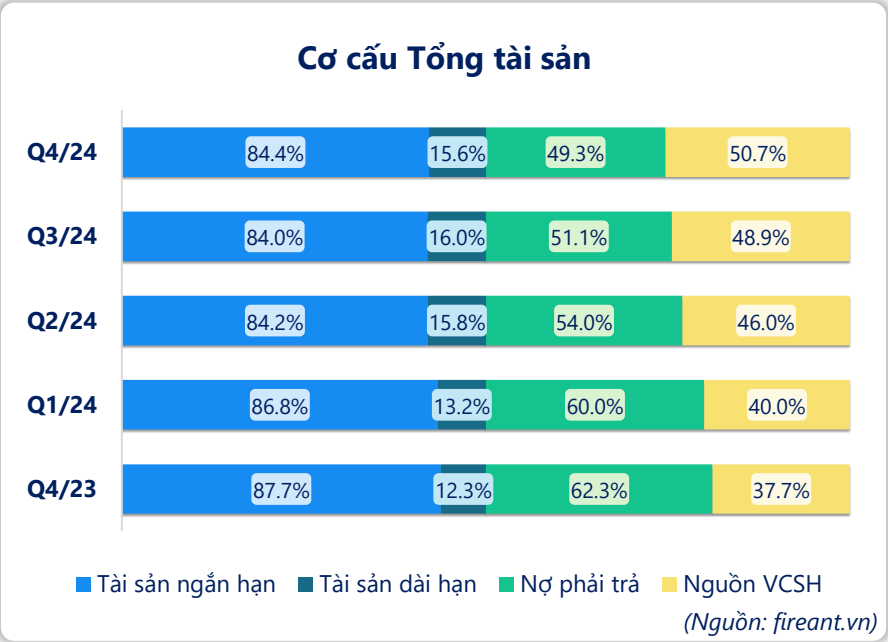
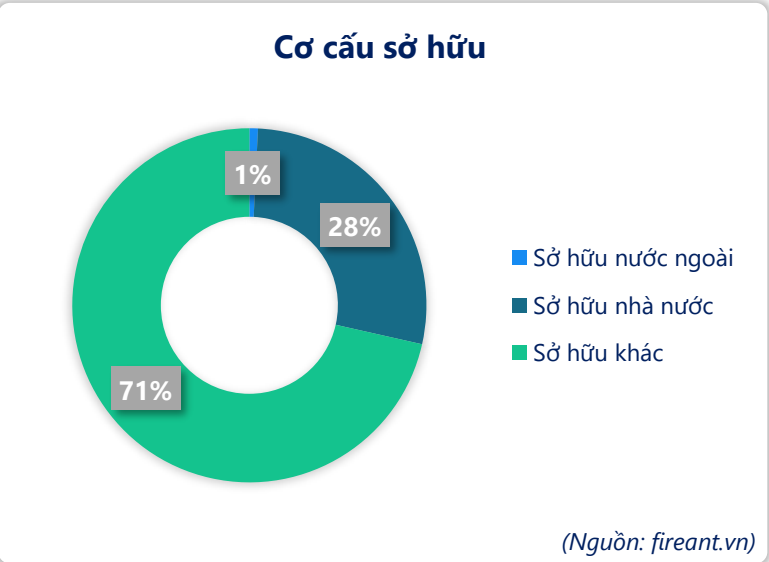
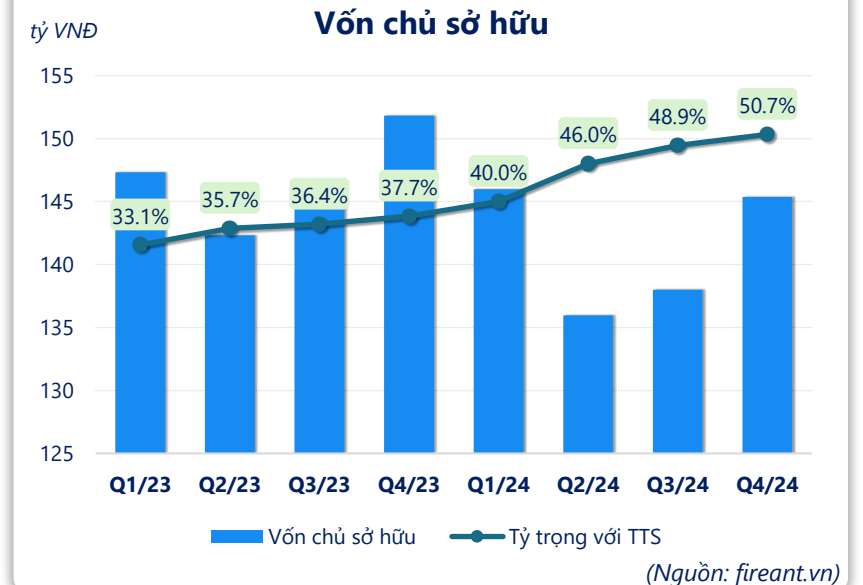
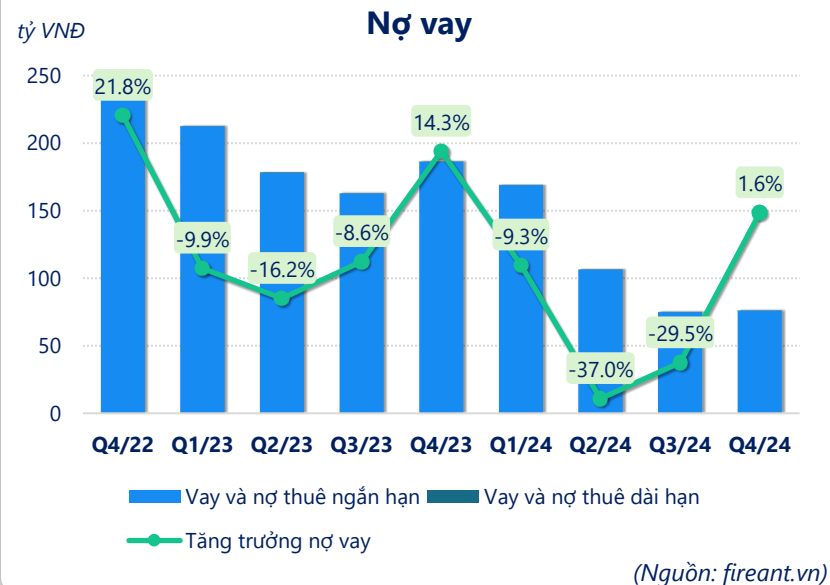
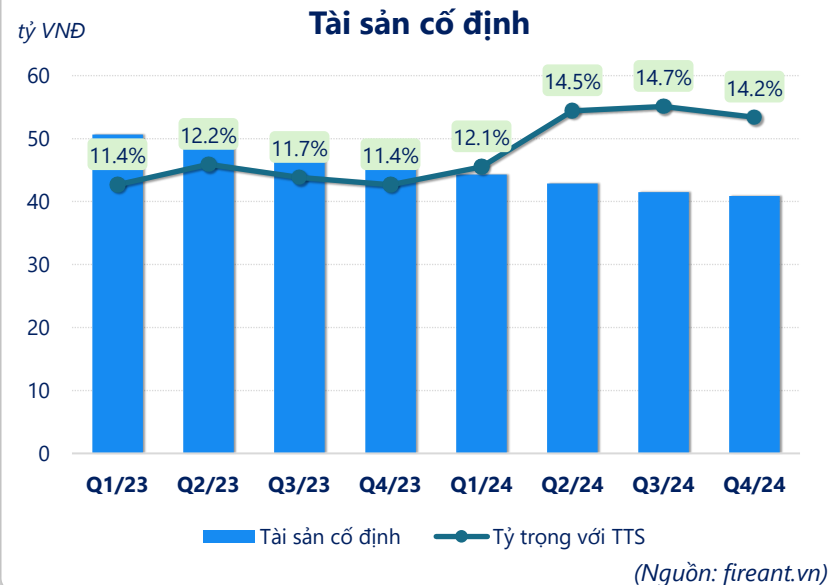
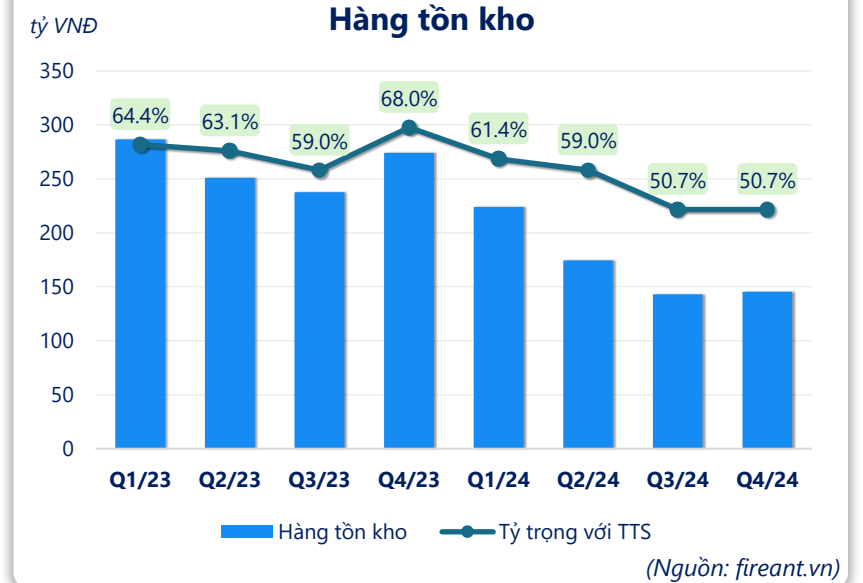
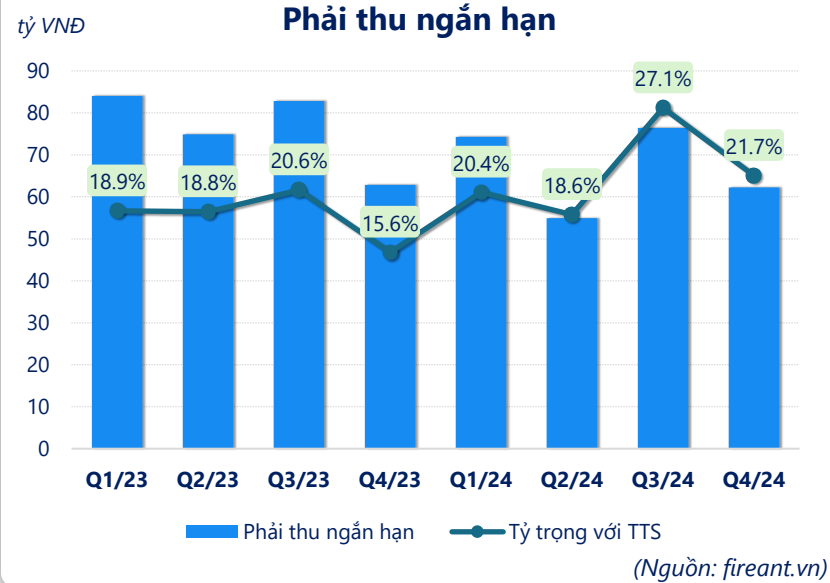
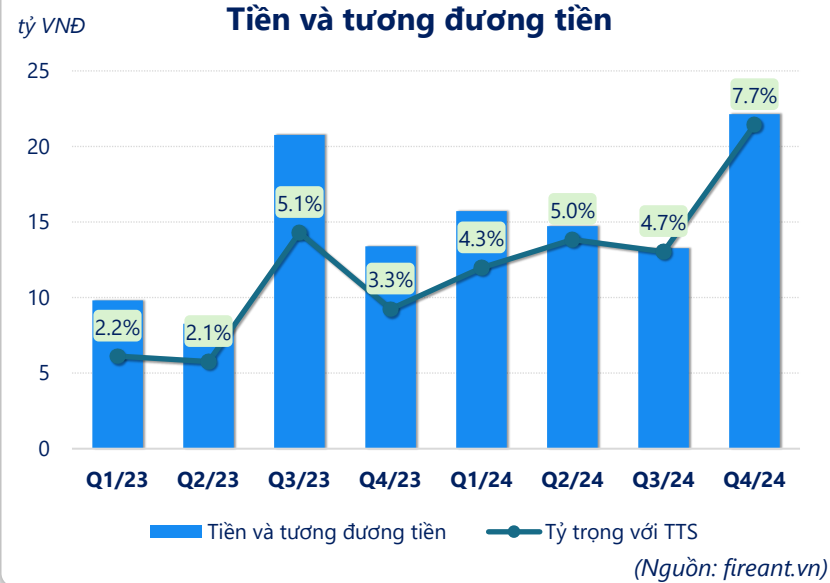
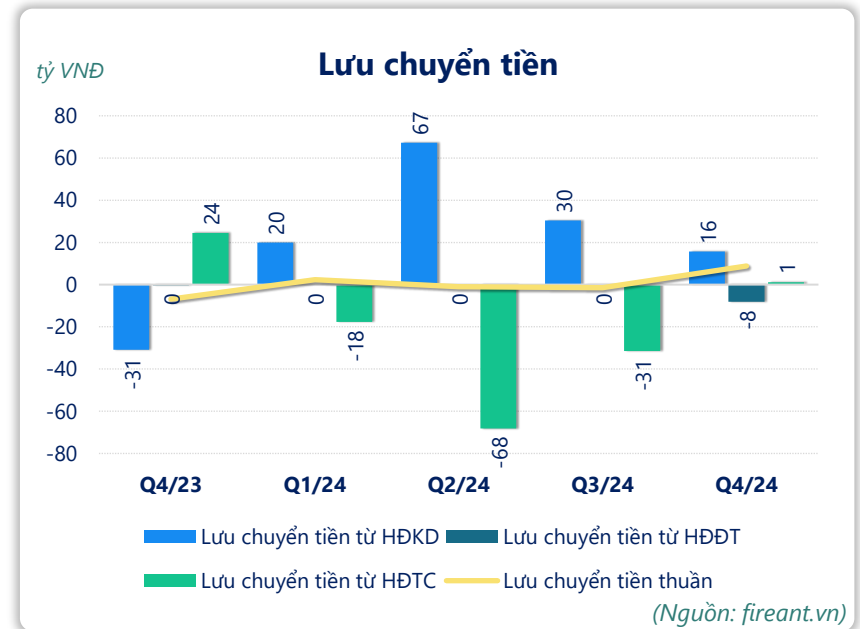
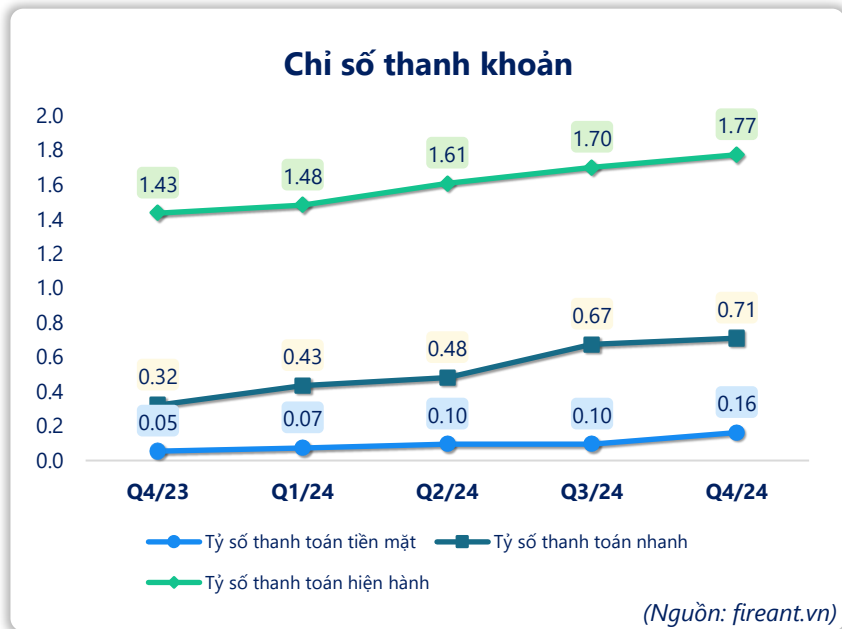
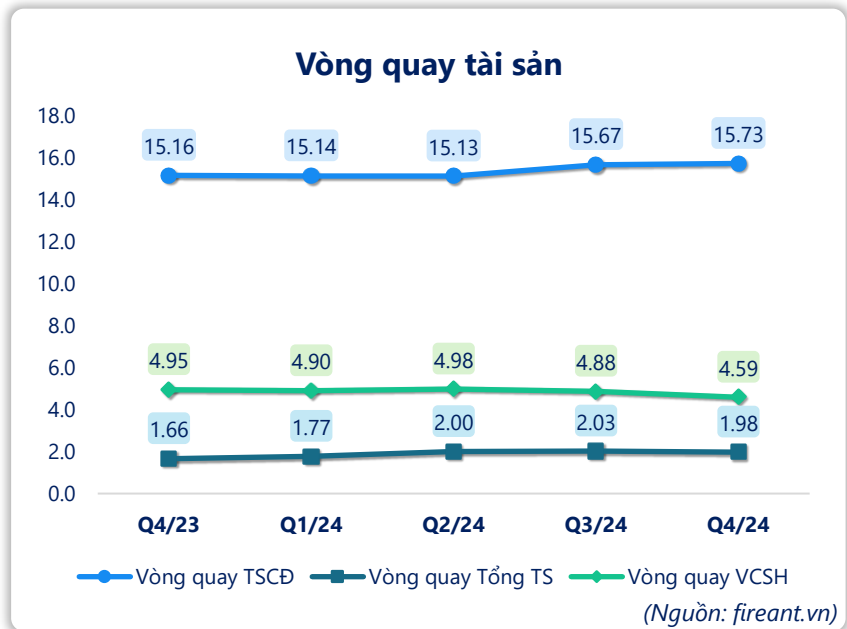
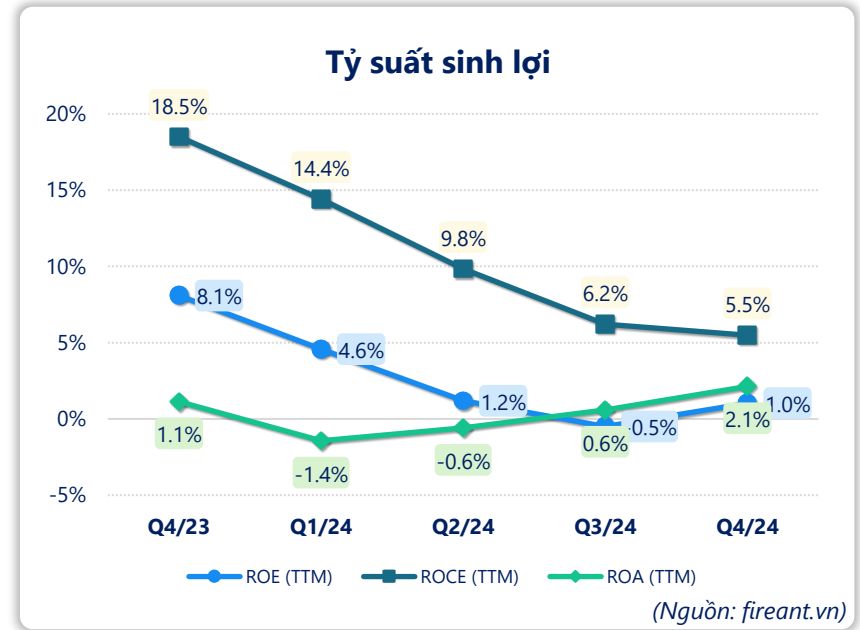
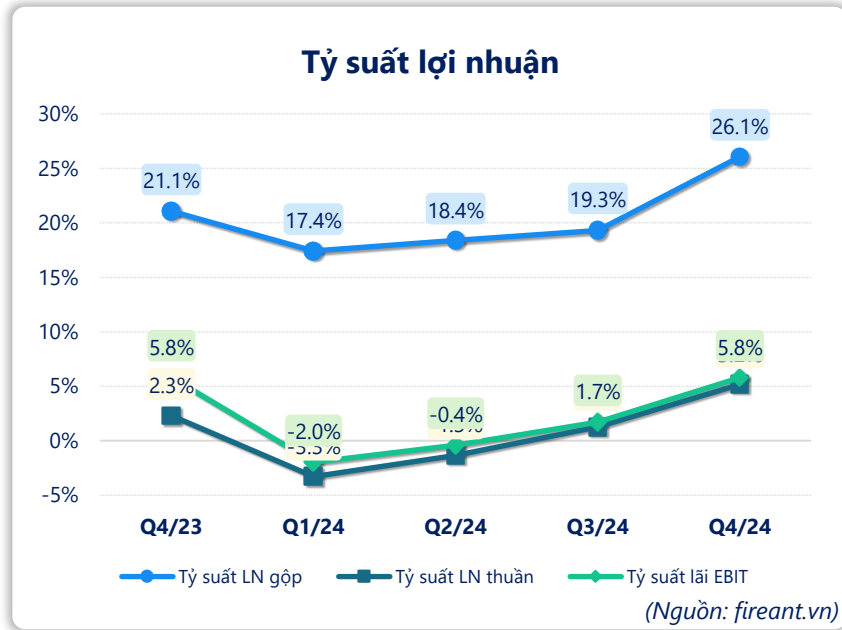
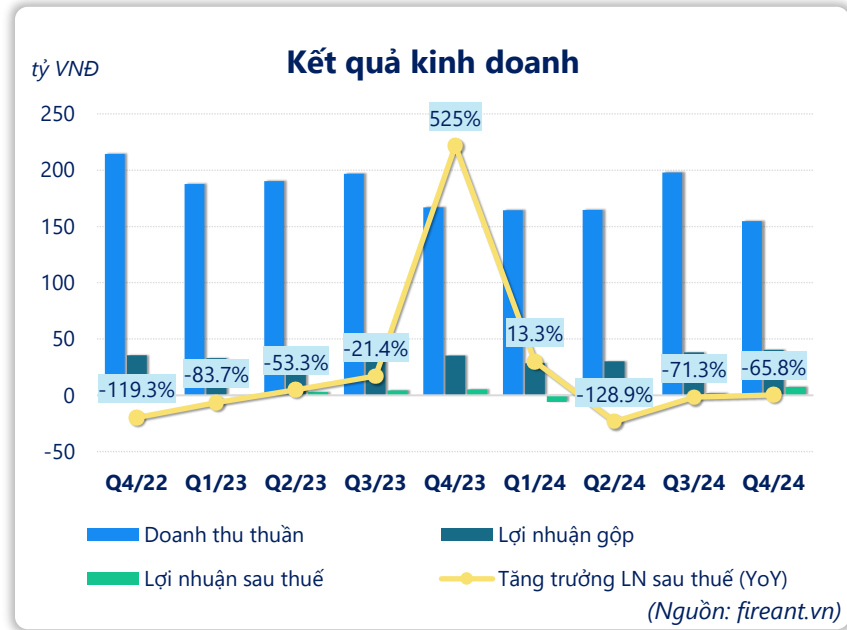


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		54,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		67,163
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,600
SL cổ phiếu LH		5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		270
P/E		175.3
EPS		308

	YTD	1T	3T	6T
CAN		0.0%	25.6%	33.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	287	403	-28.8%
Tài sản ngắn hạn	242	353	-31.4%
Tiền và tương đương tiền	22.1	13.4	65.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.50	0	
Phải thu ngắn hạn	62.2	62.9	-1.0%
Hàng tồn kho	145	274	-47.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.07	2.82	79.6%
Tài sản dài hạn	44.7	49.7	-10.2%
Phải thu dài hạn	0.67	0.60	12.0%
Tài sản cố định	40.9	45.8	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.12	3.31	-5.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	251	-43.6%
Nợ ngắn hạn	137	246	-44.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.2	186	-59.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.9	27.6	26.6%
Nợ dài hạn	4.98	4.95	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.13	0.25	-48.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	145	152	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	145	152	-4.2%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	167	164	165	198	155
Giá vốn hàng bán	132	136	134	160	114
Lợi nhuận gộp	35.2	28.6	30.3	38.2	40.3
Doanh thu HĐTC	1.83	0.64	0.93	0.50	0.75
Chi phí TC	3.30	3.58	2.41	1.58	1.13
Chi phí lãi vay	2.08	2.24	1.61	1.01	0.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.6	23.3	22.8	26.0	24.9
Chi phí QLDN	7.21	7.74	8.19	8.66	7.05
LN thuần từ HĐKD	3.85	-5.41	-2.21	2.54	7.99
Lợi nhuận khác	3.76	-0.08	-0.06	-0.18	0.22
LN trước thuế	7.61	-5.48	-2.27	2.36	8.21
Lợi nhuận sau thuế	5.11	-5.79	-2.06	2.03	7.36
LNST của CĐ cty mẹ	5.11	-5.79	-2.06	2.03	7.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.9	20.0	67.3	30.4	15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.40	-0.06	-0.11	-0.38	-8.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.4	-17.6	-68.1	-31.5	1.16
Tiền đầu kỳ	20.8	13.4	15.7	14.7	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	-6.86	2.31	-0.98	-1.49	8.82
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.50	0.00	0.00	0.01	0.07
Tiền cuối kỳ	13.4	15.7	14.7	13.3	22.1

(Nguồn: fireant.vn)